

NHỮNG MẪU CHUYỆN DÂN GIAN THỂ LOẠI ĐẶC BIỆT CỦA VĂN HỌC DÂN GIAN MIỆT CỬU LONG GIANG

Trần Minh Thương

1. Đất và người Tây Nam Bộ

Những năm cuối TK XVII, chúa Nguyễn Phúc Chu sai Thống suất Chưởng cơ Nguyễn Hữu Kính vào kinh lý miền Nam. Đến năm 1779 thì cương vực của phủ Gia Định đã bao trùm toàn vùng Nam Bộ hiện nay. Kể từ thời điểm đó, những người Việt ở miền Trung, miền Bắc đã vào vùng Đồng Nai, Gia Định khai phá đất hoang, sinh cơ lập nghiệp, rồi tiến dần xuống vùng đất Cửu Long. Theo thống kê dân số năm 2009 ở miền Tây Nam Bộ, người Việt (dân tộc Kinh) có 15.884.000 người, chiếm 92,3% dân số toàn vùng, phân bố đều khắp trong tất cả các tỉnh.

Cũng vào những năm cuối TK XVII, Dương Ngạn Địch (?-1688), nguyên là Tổng binh của nhà Minh ở thành Long Môn, Quảng Tây, Trung Quốc, sang thần phục chúa Nguyễn, năm 1679 trở thành người có công trong việc phát triển vùng đất Mỹ Tho thuộc Tiền Giang, Việt Nam. Sách *Đại Nam thực lục, tiền biên* chép: *Nhóm Dương Ngạn Địch đến Mỹ Tho cho dựng nhà cửa, họp người Kinh, người Di, kết thành làng xóm...*

Một nhánh khác do Mạc Cửu vốn là cựu thần nhà Minh, là người huyện Hải Khang, phủ Lôi Châu, tỉnh Quảng Đông, vì không chịu thuần phục nhà Thanh, nên đem cả gia đình, binh sĩ và một số sĩ phu khoảng 400 người lên thuyền rời khỏi Phúc Kiến. Sau nhiều ngày lênh đênh trên biển cả, đoàn Mạc Cửu đổ bộ lên một vùng đất hoang trong vịnh Thái Lan. Sau khi dò hỏi, biết vùng đất này thuộc ảnh hưởng của Chân Lạp, ông xin ở lại lập ấp rải rác từ Vũng Thơm, Trùng Kè, Càn Vọt, Rạch Giá, Cà Mau, Hà Tiên. Dần dần ông xây dựng vùng này trở thành thương cảng quan trọng, thôn ấp định cư đông đúc nằm sát biển... Sau đó dòng họ Mạc có biểu dâng chúa Nguyễn và được chúa Nguyễn tấn phong cho cai quản vùng đất ấy. Tộc người Hoa có mặt sinh sống ở vùng đất Cửu Long từ đó.

Theo sử liệu Chân Lạp, từ thế kỷ thứ VI – VII, người Khmer đã tiến tới sông Mê Kông từ phía bắc sông Chao Phraya thông qua thung lũng sông Mun. Người Khmer là tộc người có mặt và cư trú lâu đời nhất tại vùng này. Trải bao thăng trầm của lịch sử, hiện nay, dân tộc Khmer cùng người Việt, Hoa và Chăm, sống xen kẽ với nhau trong vùng. Người Khmer tập trung cư trú chủ yếu ở các vùng Trà Vinh, một phần Vĩnh Long, vùng ven biển Sóc Trăng và vùng biên giới Châu Đốc kéo dài tới tận Rạch Giá.

Theo *Cơ sở văn hoá Việt Nam* của Trần Quốc Vượng (chủ biên), tác giả cho rằng: phần được coi là Tây Nam Bộ có diện tích khoảng 4.000 km², chủ yếu là vùng đồng bằng, xen với các vùng trũng như Đồng Tháp Mười ở hai bên sông Tiền, tứ giác Long Xuyên ở phía Tây sông Hậu, là những hồ nước thiên nhiên góp phần điều hoà lưu lượng cho sông Cửu Long vào mùa nước nổi tháng 9, tháng 10. Ngoài khơi là vùng biển nông, có nhiều đảo và quần đảo như Côn Sơn, Thổ Chu, Nam Du, Phú Quốc..., cùng một vài dãy núi thấp ở phía Tây An Giang, Kiên Giang, ...

2. Chuyện dân gian ở miệt Cửu Long Giang

Cùng với quá trình khẩn hoang lập làng mở chợ ở vùng đất Cửu Long dân cư miệt này cũng lưu truyền những mẩu chuyện dân gian gắn liền với tên đất tên người. Đứng trên góc độ thi pháp thể loại văn học dân gian, có thể khái niệm đây là những mẩu chuyện ngắn gọn, cốt truyện và tình huống truyện rất mờ nhạt. Kết cấu đơn giản, nhiều mẩu chuyện chỉ năm ba dòng, trên dưới trăm chữ là cùng, ...

Trong quá trình khảo sát điền dã, chúng tôi xin nêu ra đây mấy mẩu chuyện để minh họa:

Chuyện liên quan đến Nguyễn Ánh lúc còn chạy loạn cuối thế kỷ XVIII. Vị chúa ấy, có lúc phải cùng đoàn tùy tùng đi qua vùng Long An, phải nhờ ông Hóng giúp đỡ. Ông Hóng là một cự phú ở vùng Vàm Cỏ Tây ngày nay. Khi ấy, đoàn thuyền chở chúa đến đây, thì hết lương phải dừng lại, Nguyễn Ánh sai thị thần đến làng Bình Lãng, Tân An xin ông Hóng “bữa cháo”! Ông Hóng cho gia nhân đào con kinh nhỏ từ nhà thông ra sông Vàm Cỏ để chở lúa ra sông tiếp tế. Con kinh ấy gọi là **kinh “ông Hóng”**, có kinh dẫn nước cư dân thời bấy giờ nuôi thả vô số vịt con, và thế là sự kiện ấy dần dần hoá thân vào lời ca dân gian, ...

Ba phen quạ nói với diều

Ngã ba ông Hóng có nhiều vịt con

Đơn giản hơn nữa, giải thích vì sao có **địa danh Mỹ Lồng**, một địa danh nổi tiếng với nghề làm bánh tráng ở Bến Tre (*Bánh tráng Mỹ Lồng, bánh phồng Sơn Đốc*). Người ta cho rằng: *Mỹ Lồng* có nguồn gốc từ tiếng Khmer: *Srok Mi Lôn = xứ, xóm của nàng tên Lôn*. Có lẽ ngày trước ở vùng này có nàng Lôn trắng, đẹp hay có tài làm bánh chăng?

Ngược lên vùng Bảy Núi, có câu:

Anh về xứ Chắc Cà Dao

Bỏ em ở lại như dao cắt lòng

Chắc Cà Dao: Tên một con rạch và cũng là tên một chợ nhỏ (nay là thị trấn An Châu) gần thị xã Long Xuyên, tỉnh An Giang. Học giả Vương Hồng Sển, ghi lại hai giải thích là:

Theo ông Nguyễn Văn Đính, thì địa danh Chắc Cà Dao có thể do chữ Khmer *chăp kdam* (bắt cua) mà ra vì vùng này xưa kia có nhiều cua. Theo nhà văn Sơn Nam, Chắc Cà Dao do chữ *Prek Pedao; Prek = rạch; pédao = loại dây mây; rạch có nhiều dây mây*. Từ một trong những cách giải thích như vậy để biết nguồn gốc tên gọi địa danh này.

Giải thích **địa danh Cà Mau** bằng mẩu chuyện đơn giản: *Cà Mau* là từ Việt hoá của tiếng Khmer là *Tuk Khmau*, nghĩa là nước đen mà thành. Nguyên cớ là vùng rừng U Minh gồm Cán Gáo, Tân Bằng, Trèm Trèm, Cái Tàu và phía bên hữu ngạn sông Ông Đốc,..., ở đây nước ngập quanh năm, nước tích tụ lâu ngày chảy ngang qua rừng đầy lá mục của dứa nước, tràm, gừa ráng, choại, dớn, lát, sậy, năn, cỏ nước mặn,... nên nước màu vàng đậm như nước trà, nhiều khi đen, có mùi hôi và vị phèn chua, mặn,...

Về **đất Sóc Trăng** nghe câu hát :

Chợ Sóc Trăng chà gạo lộn trấu càng,

Anh thương em là thương lời ăn tiếng nói dịu dàng,

Chớ không phải anh vì bạc vì vàng mà thương.

Theo Lê Hương thì Sóc Trăng là do tiếng Khmer đọc trại ra từ chữ *Srok Tréang* có nghĩa là *bãi sậy* vì ngày xưa đất Sóc Trăng có nhiều lau sậy hoang vu. Ông còn nêu truyền thuyết khác, theo đó thì đất này (tại ấp Sóc Vồ ngày nay) vào thời Nguyễn, giặc Xà Na Téa và Xà Na Tua dùng làm kho chứa bạc, kho chứa vũ khí, kho chứa lương thực chống lại triều đình. Do đó Sóc Trăng là do chữ *Srok Kh'leang* đọc trại mà ra.

Vương Hồng Sển lại cho rằng : Theo quyển *Petit Cours de Géographie de la Basse Cochinchine par Trương Vĩnh Ký* thì Sóc Trăng (Sóc Trăng) là tên dân gian của Nguyệt Giang tỉnh (tỉnh Sông Trăng). Tên này có nguồn gốc Khmer là *Péam prék srók khlăn* (di cảo Trương Vĩnh Ký trong *le Cisbassac*). *Péam* là *vàm*, *prék* là sông, *srók* là *sốc*, *khlăn* (*kh'leang*) là *kho bạc*. Nguyên đời vua Cơ Me (Khmer) có đặt một kho chứa bạc nơi đây. Đến đời vua Minh Mạng, đổi tên chữ ra *Nguyệt Giang tỉnh* vì triều đình đã ép chữ *sốc* biến ra chữ *sông*, chữ *kh'leang* ra *trăng* và đổi thành *nguyệt*. Nhà học giả này còn khẳng định Sóc phải viết có dấu **ô**, tức **Số**c mới đúng!

3. MẪU CHUYỆN DÂN GIAN – THỂ LOẠI ĐẶC BIỆT CỦA VĂN HỌC DÂN GIAN

Những mẫu chuyện đơn giản, độ dài chưa đầy trăm chữ như chúng tôi đã nêu ít khi xuất hiện trong các công trình sưu tầm về văn học dân gian vùng đồng bằng sông Cửu Long đã công bố. Thành thạo trong các công trình ấy có một số mẫu chuyện có dung lượng vừa phải được đưa vào và gọi chung là *truyện cổ dân gian*, hoặc *giai thoại*. Để làm sáng tỏ vấn đề chúng tôi đối sánh những mẫu chuyện ấy với những thể loại liên quan vừa nêu.

Từ điển thuật ngữ văn học xác định: *Giai thoại là một thể loại truyện kể ngắn gọn về một tình tiết có thực hoặc thêu dệt của những nhân vật được nhiều người biết đến* [6; 132]. *Từ điển văn học* (bộ mới) cho rằng: *Giai thoại là một chuyện kể truyền miệng, lưu hành chủ yếu trong giới nhà văn và lớp công chúng ưa thích thơ văn (...)* *Thuật ngữ giai thoại mượn từ Trung Hoa (thoại: truyện kể; giai: đẹp, hay, thú vị). Mỗi giai thoại là một chuyện kể ngắn gọn, lý thú, xoay quanh những nhân vật có thực thường là những danh nhân.*

Tác giả Kiều Thu Hoạch trong *Xác định thể loại giai thoại* đăng trên *Nguồn sáng Dân gian* số 2 – 2002, sau khi phân tích những đặc trưng của thể loại này đã đi đến kết luận *Giai thoại văn học* – ngoài những đặc trưng chung của loại hình tự sự folklore, như tính hư cấu, tính phiếm chỉ ... *giai thoại văn học* còn có một số đặc trưng thể loại cơ bản bao gồm: tính lý thú/ tính đối thoại/ tính kịch/ tính chơi chữ. [7; 61]

Về truyền thuyết, *Từ điển thuật ngữ văn học* cho rằng: *Truyền thuyết là một thể loại truyện dân gian mà chức năng chủ yếu là phản ánh và lý giải các nhân vật và sự kiện lịch sử có ảnh hưởng quan trọng đối với một thời kỳ, một bộ tộc, một quốc gia hay một địa phương.* [6; 367]

Đối với thể loại truyện cổ tích, *Từ điển thuật ngữ văn học* đưa ra khái niệm: *Truyện cổ tích là một thể loại truyện dân gian nảy sinh từ xã hội nguyên thủy nhưng chủ yếu phát triển trong xã hội có giai cấp với chức năng chủ yếu là phản ánh và lý giải những vấn đề xã hội, những số phận khác nhau của con người trong cuộc sống muôn màu muôn vẻ khi đã có chế độ tư hữu tài sản, có gia đình riêng (chủ yếu là gia đình phụ quyền), có mâu thuẫn giai cấp và đấu tranh xã hội quyết liệt. Khái niệm truyện cổ tích có nội dung rất rộng, bao gồm nhiều loại truyện khác nhau về đề tài, về đặc điểm nghệ thuật, ... Có thể phân truyện cổ tích thành ba loại chính: truyện cổ thần kỳ; truyện cổ tích sinh hoạt và truyện cổ tích loài vật.* [6; 368]

Từ đó, chúng tôi nhận thấy:

Thứ nhất, có sự hỗn dung về mặt thể loại giữa những giai thoại, những truyện cổ dân gian (có thể là cổ tích hoặc truyền thuyết). Có thể thấy rõ ràng ở những tác phẩm *Nguyễn Hữu Huân, Sự tích ông Thần không đầu, Giai thoại về Thiên Hộ Dương*, [8] ... xét về mặt chức năng và nội dung thể loại cũng như thi pháp thể hiện chúng tôi cho rằng nó vừa là truyền thuyết cũng là giai thoại. Trong *Giai thoại về Thiên Hộ Dương*, dù tiêu đề (đương nhiên là do tác giả quyền sách đặt), hẳn nhiên nó đã là giai thoại, giai thoại kể về một người anh hùng chống Pháp có thật trong lịch sử vùng Đồng Tháp Mười. Hơn thế, những chuyện về ông cũng không ít những chi tiết hư cấu, những yếu tố không có thực. Đó là con rắn thần chỉ to bằng mút đũa, có năm khoang, nó cắn ai thì không thuốc gì cứu được. Và con rắn ấy đó đã cắn chết hơn chục tên Pháp tại Động Cát. Viên chỉ huy phát hiện ra lệnh đốt hang, thì *thình lình có tiếng ào ào như giông gió nổi lên. Từ trong rừng một con rắn hổ mây, bẻ tròn như miệng thúng, phóng tới như vũ bão, lăn xả vào lửa, há họng, đập đuôi, nhe răng thở khè khè ... Bọn lính Pháp hoảng loạn bỏ chạy tán loạn, ...* Tác giả Huỳnh Ngọc Trảng còn chen thêm lời bình: *Thủa đó, người ta cho rằng rắn thần đã phò trợ cho Thiên Hộ Dương.*

Chúng tôi dẫn thêm ra đây mẫu chuyện khác. Dân gian còn kể rằng trong lúc thuyền chúa Nguyễn (thời kỳ Nguyễn Ánh chạy loạn tránh Tây Sơn) đang lên đèn giữa dòng sông rộng thì thình lình giông gió nổi lên, mây đen kịt kéo phủ đầy trời. Mọi người ra sức chèo chống, chẳng may dây cột buồm và dây cột bánh lái đứt ra. Thuyền ngừng hẳn, mặc cho sóng nhồi, gió tạt, quan quân sợ hãi làm rớt cái chèo lệnh xuống dòng sông. Từ đó, dân gian gọi sông này có tên là Cổ Chiên, để ghi nhớ ngày Gia Long tẩu quốc (?). Chèo chèo không được nữa, nhà vua cùng tùy tùng ngửa mặt lên trời cầu nguyện trong tuyệt vọng. Bỗng đâu, từ xa vang lên câu hò:

*Bờ chiếc ghe sau chèo mau em đợi
Kéo giông khơi đèn mờ mịt hiểm nguy*

Quan quân trông vọng vào nơi đó. Một chiếc ghe nan lướt sóng chèo đến thuyền vua. Tới nơi, họ ngơ tay chèo, nghe kể rõ tình thế, các cô vội vàng lấy ra nhiều cuộn tơ bông trắng quăng sang. Thi ra, hai thiếu nữ này là người buôn tơ sợi, nhân dịp mua tơ về, gặp thuyền chúa nguy nan nên giúp đỡ.

Sau khi lên ngôi, Gia Long cho người tìm đến hai người con gái năm xưa để đền đáp công lao cứu tử. Nhưng họ đã lìa đời, nhà vua ban sắc phong và truyền lập miếu thờ tại làng Đa Phước Hội. Miếu Hai Bà hay chùa Hai Bà đến nay vẫn còn. Câu chuyện vừa kể rất khó xác định đâu là thể loại chính xác của nó.

Thứ hai, có những tác phẩm được khu biệt rạch ròi như: *Sự tích địa danh Cao Lãnh, Sự tích trái sầu riêng, Sự tích bông sen, ...* [9] *Con chó biết nói* [11], hay *Sự tích con Rùa* (chúng tôi sưu tầm điền dã ở vùng Lục Tà Tham, xã Vĩnh Quới, huyện Ngã Ngã, Sóc Trăng) dưới đây là những truyện cổ tích.

Chuyện kể rằng: *Ngày xưa, có một tên nhà giàu có đến hàng trăm mẫu ruộng. Người nghèo phải thuê mướn cấy cấy, tới mùa đong lúa ruộng cho nó. Trong vùng có một em bé mồ côi đến xin ở đợ nhà tên địa chủ. Ngày ăn mót cơm nguội chần trâu, cắt lúa, gánh nước, ..., tối phải ra ngủ chuồng trâu, chuồng heo của tên nhà giàu. Em bé càng trở nên xanh xao. Ghê lở mọc đầy người, mùi hôi hám nồng nặc. Khi chần trâu trên đồng không ai dám chơi chung. Một hôm, tình cờ có một vị lục đi khát thực ngang qua. Em bé đem luôn vắt cơm mang theo để cúng chùa. Vị lục ấy hỏi qua có sự, em bé kể lại cho nhà sư nghe. Nghe xong, nhà sư lấy ra chiếc áo ca sa đã cũ cho em, và dặn:*

- Con về mặc chiếc áo này lúc ngủ, con sẽ hết bệnh, trở thành chàng trai khỏe mạnh, giúp ích cho bà con phum sóc.

Theo lời sư dặn, chú bé ngày một vạm vỡ, khoẻ khoắn. Lấy làm lạ, tên chủ nhà kêu em đến hỏi. Chú bé ở đợ thật thà kể lại chuyện đã diễn ra.

Tên chủ nhà không khỏi ngạc nhiên bởi điều kỳ diệu đó, miệng nó luôn lẩm bẩm:

- Quái lạ, chiếc áo cà sa vá chằng vá đụp, mà sao lại có thể làm cho thằng bé khoẻ mạnh, đệp trai như thế không biết?

Không nén được sự tò mò, hấn nài nỉ mượn chiếc áo của lục. Em bé thật thà cho mượn áo.

Đêm ấy, tên nhà giàu bận áo trước khi đi ngủ.

- Rồi ta sẽ trở lại thành một chàng trai, ... Ha ha!

Thật lạ lùng, sáng hôm sau, không ai còn thấy hấn ở đâu nữa. Kỳ diệu hơn, dưới mương nước quanh nhà nó, người ta thấy có một loài vật mang trên mình chiếc mai như hình chiếc áo của nhà sư đã cho chú bé chần trâu bữa trước. Cả một gia tài của tên địa chủ giờ đây đã thuộc về chú bé. Em đem phân phát cho dân nghèo. Một phần em đem cúng chùa để sửa sang cổng vào và chánh điện.

Nhân dân trong vùng gọi con vật nặng nề chậm chạp ấy là con rùa. Họ còn giải thích thêm: Sở dĩ nó phải mang kiếp đọa đày nặng nề như vậy để cho nó thấm thía những gì nó đã gieo rắc đau khổ cho người dân hiền lành, vô tội.

Có những truyện là truyện thuyết như *truyện thuyết về Nguyễn Trung Trực, truyện thuyết về Thủ Khoa Huân, Trương Định, Đốc Binh Vàng,...* truyện thuyết về những anh hùng nghĩa quân chống Pháp,... [1]

Đến đây, vấn đề đặt ra là chúng ta giải quyết những mẩu chuyện dân gian đã kể ở phần đầu bài viết hay thêm một số minh chứng dưới đây như thế nào?

Chuyện “**trời trồng**” ở **miệt Long An – Tiền Giang**, kể đũa con bất hiếu nọ vác phảng đuổi chém bà mẹ già (mỗi nơi có một dị bản về lỗi của bà mẹ, nơi cho rằng bà giữ cháu để cháu té xuống mương chết đuối, nơi cho rằng bà làm chết một con gà đá của thằng con, ...). Tên nghịch tử rượt đến bờ mẩu (bờ đất ngăn giữ các thửa ruộng để lấy lối đi), bà mẹ vấp ngã, hấn giờ phảng lên định chém mẹ mình! Đúng lúc ấy, “trời trồng” hấn nguyên tư thế ấy! Đau nhức rên la mấy ngày hấn chết, người đời thương hại mang vôi hồ trét lại, nay mà hấn còn nguyên đấy! Thực ra đấy là cách lý giải của dân gian về chuyện tên tay sai cho Pháp là Trần Bá Lộc với những tội ác tày trời mà hấn gây ra lúc sinh tiền, nên khi chết sợ bị “đào mả”, hấn dặn vợ con chôn đứng mình với nhiều mả thật giả lẫn lộn để nhân dân khó phát hiện, ...

Tại vùng rừng **Năm Căn**, những năm đầu thế kỷ XX, người trong vùng tình cờ phát hiện được chiếc thuyền mà họ gọi là **thuyền Ngự** (thuyền của vua) với nhiều vật dụng có giá trị. Động lòng tham nhiều kẻ lầy cắp mang về nhà. Nhưng rồi sau đó, những kẻ sở hữu “đồ vua” không bệnh tật thì cũng gặp nạn nạn kia, sợ hãi họ mang đến chỗ cũ hoàn lại. Người già còn truyền khẩu rằng những ngày lành tháng tốt, nửa đêm gà gáy, người trong vùng còn nghe tiếng quân sĩ hò reo như đang ở sa trường máu lửa, ...

Hay có làn thuyền chúa đang ở giữa dòng kinh mà lúc đó chưa có tên gọi. Nguyễn Ánh ốm nặng. Sợ không qua khỏi, nhà vua trần trời với ba quân rằng:

- Con bệnh ngặt nghèo của trẫm lương y không chữa hết. Chắc trẫm phải băng rồi. Thương cho việc phục quốc không thành! Đáng buồn thay!

Nhưng sau đó, vua được các lương y hết lòng cứu chữa nên qua khỏi. Dân gian truyền lại câu chuyện vừa kể và nhắc lại lời vua ngày ấy: Trẫm chắc băng! Cuối cùng **Chắc Băng** đã trở thành một địa danh ở Vĩnh Thuận, Kiên Giang (ngày nay)

Mẫu chuyện giải thích vì sao cả trăm năm trước ở Long Phú, (nay là một phường của thị xã Tân Châu) có **Miếu Hội**. Dân gian truyền rằng: thuở ấy, các vị công thần nước ta thân chinh dẹp giặc loạn nơi biên giới, thỉnh thoảng dừng binh nghỉ tại Vĩnh Đồn hạ. Để tăng uy thế của triều đình nhà nước và giục lòng tướng sĩ, trước mũi thuyền chiến đều có “trần” một cái miếu nhỏ thờ *TỨ VỊ VƯƠNG, BÁT VỊ HẦU (BỐN VỊ VƯƠNG, TÁM VỊ HẦU)*. Nhờ sự phô trương thanh thế đó mà quân ta khi xáp chiến với địch quân ta đều chiến thắng vẻ vang.

Về sau có ông Đội Chín Tài hiệp cùng các vị kỳ lão dựng miếu bằng tranh gọi là Miếu Hội với mục đích là ghi dấu tích tiền nhân. Miếu này nay đã hư hại.

Chúng tôi cho rằng cần xem những mẫu chuyện sơ giản ấy như một thể loại văn xuôi dân gian đặc biệt, với các đặc trưng cơ bản:

- Dung lượng ngắn (những mẫu chuyện trên dưới trăm chữ);
- Tinh tiết và cốt truyện đơn giản;
- Ít hoặc có khi không có nhân vật;
- Chức năng cơ bản của những mẫu chuyện này gồm:

Một là, những chuyện liên quan đến các nhân vật: những người có công giúp Gia Long thời tẩu quốc như chuyện ông Hóng, chuyện Bỏ Hậu, chuyện Cai Hạc, ..., hay chuyện những vị công nương theo Nguyễn Ánh phải bỏ mình nơi hiểm địa, chuyện người con gái giả câm để không chịu theo “nâng khăn sửa túi” cho Nguyễn Ánh, họ cũng có thể là người bình thường được nhân dân ngợi ca bởi giữ tròn trinh tiết, vẹn lòng hiếu thảo (chuyện người con gái báo thù cha)

Hai là, chuyện liên quan đến động vật: chuyện về Hổ, Sấu, Trâu rừng, Heo rừng, Rắn thối sáo, Đỉa thần, ... vốn là rất quen thuộc với người bình dân thời mở cõi.

Ba là chuyện liên quan đến địa danh: như chuyện giải thích địa danh Sóc Trăng, Cà Mau, Bạc Liêu, Cái Răng, Ngã Năm, Đường Trâu, Xẻo Chích, Hàng Xoài

Bốn là những câu chuyện liên quan đến tâm linh: chuyện các miếu thờ thần linh; chuyện cây bần quý, chuyện cá bóng thần (ở Bến Tre), chuyện miếu Bà Mã Châu (Bạc Liêu), hay chuyện ly kỳ ở làng Kim Sơn (Mỹ Tho – Tiền Giang) không ai “diêm” nói đến chữ **DÁM** vì kiêng huý một ông Cả có tên gọi này và dân làng đã tôn làm thần, chuyện ở sông Đồi Ma,...

Tất nhiên giữa các chức năng trong từng loại nhỏ ấy luôn có sự hỗn dung, không phải lúc nào cũng tách bạch một cách thẳng mực tàu được! Và thực tế cũng có những mẫu chuyện đã hòa mình vào giai thoại, truyền thuyết hay cổ tích. Đây cũng là một điều tất yếu trong đời sống của thể loại văn học dân gian.

4. Kết luận

Những câu chuyện truyền miệng dân gian là một phần trong đời sống tinh thần của người bình dân nói chung và người ở miệt sông nước Cửu Long nói riêng. Trong cuộc sống thường nhật, dân gian dùng nó để lý giải sự vật hiện tượng, phê phán, ngợi ca những nhân vật nổi bật trong cộng đồng.

Những câu chuyện đơn giản nhưng để xác lập hệ thống lý luận về thể loại cho nó không phải là hoàn toàn dễ dàng. Sự đan xen, hỗn dung giữa các thể loại trong văn học dân gian trong đó có những mẫu truyện truyền miệng là điều đã được khẳng định.

Vấn đề sưu tầm tập hợp những mẫu chuyện ấy cũng cần phải được lưu ý trong các công trình sưu tầm điền dã dân gian. Tính đến nay, với hàng chục tựa sách tổng hợp các tài liệu sưu tầm ở đồng bằng sông Cửu Long, những mẫu chuyện ngắn lưu truyền trong dân gian còn chưa được sự quan tâm và chú ý đúng mức.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Võ Phúc Châu**, *Truyện thuyết dân gian về cuộc kháng chiến chống Pháp ở Nam bộ* (1858 – 1918), in trong Tạp chí *Khoa học Xã hội và Nhân văn*, Trường ĐHSP TP.HCM, 2004.
2. **Chu Xuân Diên** (chủ biên), *Văn học dân gian Sóc Trăng* (tuyển chọn từ tài liệu sưu tầm điền dã), Nxb thành phố Hồ Chí Minh, 2002.
3. **Lê Bá Hán - Trần Đình Sử - Nguyễn Khắc Phi** (đồng chủ biên), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2007.
4. **Kiều Thu Hoạch**, *Xác định thể loại giai thoại*, Tạp chí *Nguồn sáng dân gian*, số 2 – 2002.
5. **Khoa Ngữ Văn**, trường Đại học Cần Thơ, *Văn học Dân gian đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1997.
6. **Vương Hồng Sển**, *Tự vị tiếng nói miền Nam*, Nxb Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh, 1999.
7. **Trần Ngọc Thêm**, *Tìm về bản sắc văn hoá Việt Nam*, Nxb Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, 2006.
8. **Huỳnh Ngọc Trảng**, *Nghìn năm bia miệng*, Sở Văn hoá và Thông tin Long An, 1984
9. **Huỳnh Ngọc Trảng**, *Truyện dân gian Khmer* (2 tập), Hội Nghệ thuật Cửu Long, 1987.

Trần Minh Thương

Hội Văn nghệ Dân gian Việt Nam

tranminhthuong.c3mtt@soctrang.edu.vn